

**DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC
HỌC KỲ TĂNG CƯỜNG - NĂM HỌC: 2025 - 2026**

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	ACC202	Nguyên lý kế toán	3	
2	ACC302	Nhập môn ngành Kế toán	2	
3	ACC304	Ứng dụng Excel trong kế toán	3	
4	ACC305	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	
5	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán	3	
6	ACC406	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
7	ACC409	Kế toán quản trị	3	
8	ACC412	Kiểm toán căn bản	3	
9	ACC413	Kiểm toán nâng cao	3	
10	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1	
11	ACC425	Kế toán ngân hàng	3	
12	ACC431	Kế toán xuất nhập khẩu	3	
13	ACC435	Kế toán tài chính	3	
14	ACC436	Kế toán tài chính nâng cao	3	
15	ACC437	Kế toán tài chính chuyên sâu	3	
16	ACC438	Kế toán chi phí	3	
17	ACC440	Kiểm soát nội bộ	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
18	ACC441	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	
19	ACC442	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3	
20	ACC523	TTN Kế toán	5	
21	ART227	Lịch sử âm nhạc phương Tây 2	2	
22	ART239	Phân tích âm nhạc 2	3	
23	ART319	Phân tích âm nhạc	2	
24	ART373	Hòa âm 2	2	
25	ART377	Biểu diễn ban nhạc	2	
26	ART378	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Piano	1	
27	ART379	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2	
28	ART381	Ứng dụng Piano đệm	2	
29	ART422	Hợp xướng 1	2	
30	ART423	Hợp xướng 2	2	
31	ART425	Kỹ năng thị tấu	2	
32	ART426	Kỹ năng thị xướng	2	
33	ART427	Kỹ thuật diễn viên	2	
34	ART432	Piano 3	3	
35	ART440	Piano phổ thông 3	1	
36	ART441	Piano phổ thông 4	1	
37	ART464	Phương pháp sư phạm chuyên ngành 2 (Thanh nhạc)	2	
38	ART478	Thực hành dàn dựng và biểu diễn âm nhạc	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
39	ART480	Thực tập cơ sở Thanh nhạc	2	
40	ART481	Thực tập cơ sở Piano	2	
41	ART501	TTTN Thanh nhạc	5	
42	ART558	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9	
43	BIO306	Vi sinh học	3	
44	BIO307	Miễn dịch học đại cương	2	
45	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	
46	BIO313	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2	
47	BIO315	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3	
48	BIO316	Công nghệ sinh học đại cương và ứng dụng	3	
49	BIO318	Vi sinh ứng dụng trong Công nghệ sinh học	3	
50	BIO319	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
51	BIO410	Tế bào học	3	
52	BIO448	Công nghệ Enzyme	2	
53	BIO452	Kỹ thuật công nghệ sinh học	3	
54	BIO454	Công nghệ di truyền trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng	3	
55	BIO456	Công nghệ sản xuất phân bón sinh học và ứng dụng	3	
56	BIO457	Công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản và ứng dụng	3	
57	BIO501	TTTN Công nghệ sinh học	5	
58	BIO502	KLTN Công nghệ sinh học	12	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
59	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	
60	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	
61	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3	
62	BUS309	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3	
63	BUS416	Hành vi khách hàng	3	
64	BUS417	Hành vi tổ chức	3	
65	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	
66	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	3	
67	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	
68	BUS432	Luật thương mại quốc tế	3	
69	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	
70	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	
71	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	
72	CHI340	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
73	CHI341	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2	
74	CHI342	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2	
75	CHI344	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2	
76	CHI345	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2	
77	CHI346	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2	
78	CHI348	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2	
79	CHI349	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
80	CHI350	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2	
81	CHI351	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	
82	CHI418	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3	
83	CHI420	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3	
84	CHI423	Giao tiếp thương mại cơ bản	3	
85	CHI424	Giao tiếp thương mại nâng cao	3	
86	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3	
87	CHI430	Thư tín thương mại	3	
88	CHI439	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3	
89	CHI442	Lý thuyết dịch	3	
90	CHI448	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3	
91	CHI453	Đất nước học Trung Quốc	2	
92	CHI454	HSK cao cấp	2	
93	CHI455	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3	
94	CHI456	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	3	
95	CHI457	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3	
96	CHI458	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3	
97	CHI459	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3	
98	CHI460	Tiếng Trung Quốc makerting	3	
99	CHI461	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3	
100	CHI535	TTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
101	COE303	Địa chất công trình	3	
102	COE310	Vật liệu xây dựng	2	
103	COE312	Cơ học đất	3	
104	COE401	Kinh tế xây dựng	2	
105	COE402	Kết cấu bê tông cốt thép	2	
106	COE403	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	
107	COE413	Quản lý dự án	2	
108	CTE401	Kỹ thuật diễn xuất	2	
109	CTE405	Kỹ thuật dựng phim 2	2	
110	CTE407	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 2	2	
111	CTE415	Hiệu ứng kỹ xảo hình ảnh	2	
112	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	
113	ECO302	Kinh tế lượng	3	
114	ECO303	Kinh tế vi mô	3	
115	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	
116	ECO327	Thẩm định giá bất động sản	3	
117	ECO330	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3	
118	ECO417	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3	
119	ELE308	Mạch điện	3	
120	ELE319	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
121	ELE326	Linh kiện điện tử	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
122	ELE328	Lập trình nhúng trên FPGA	3	
123	ELE329	Điện tử số	3	
124	ELE330	Kỹ thuật vi điều khiển	4	
125	ELE337	Điện tử tương tự	4	
126	ELE403	Hệ thống IoT	3	
127	ELE405	Thông tin di động	3	
128	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
129	ELE436	Truyền sóng và anten	2	
130	ELE439	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	
131	ELE444	Xử lý số tín hiệu	3	
132	ELE539	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12	
133	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	
134	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	
135	ENG302	Luyện dịch cơ bản	2	
136	ENG303	Kỹ năng sư phạm	3	
137	ENG305	Ngữ âm, âm vị và hình vị học	3	
138	ENG322	Tiếng Anh ngữ pháp	2	
139	ENG323	Tiếng Anh nghe - nói 1	2	
140	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2	
141	ENG325	Tiếng Anh nghe - nói 3	2	
142	ENG326	Tiếng Anh đọc 1	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
143	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2	
144	ENG328	Tiếng Anh đọc 3	2	
145	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2	
146	ENG330	Tiếng Anh viết 3	2	
147	ENG331	Nghe - nói trong thương mại 1	2	
148	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2	
149	ENG333	Nghe - nói trong thương mại 3	2	
150	ENG334	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3	
151	ENG335	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2	
152	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2	
153	ENG337	Kỹ năng giảng dạy tiếng Anh	3	
154	ENG338	Biên phiên dịch - Pre-Intermediate	2	
155	ENG339	Đàm phán quốc tế	3	
156	ENG341	Hình thái - Cú pháp học	2	
157	ENG342	Thiết kế chương trình dạy học	2	
158	ENG343	Phương pháp quản lý lớp học	2	
159	ENG345	Nghiep vụ ngoại giao	2	
160	ENG346	Vấn đề toàn cầu	2	
161	ENG347	Tiếng Anh viết 1	2	
162	ENG401	Biên dịch nâng cao	3	
163	ENG402	Chiến thuật giao tiếp quốc tế	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
164	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3	
165	ENG406	Quản trị nguồn nhân lực	3	
166	ENG407	Phiên dịch nâng cao	3	
167	ENG408	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3	
168	ENG409	Ngoại giao đa phương tiện	3	
169	ENG411	Luyện dịch 2	3	
170	ENG412	Biên dịch thương mại 1	3	
171	ENG415	Giao tiếp thương mại 2	3	
172	ENG419	Phát âm	3	
173	ENG420	Phiên dịch	3	
174	ENG421	Phiên dịch thương mại 1	3	
175	ENG422	Phiên dịch thương mại 2	3	
176	ENG426	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3	
177	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	
178	ENG436	Tiếng Anh ngữ pháp 3	3	
179	ENG440	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3	
180	ENG441	Thư tín thương mại	3	
181	ENG448	Văn hóa Mỹ	3	
182	ENG454	Quan hệ công chúng	3	
183	ENG456	Đàm phán quốc tế 1	3	
184	ENG464	Lý thuyết dịch	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
185	ENG468	Dịch nói 1	3	
186	ENG469	Dịch nói 2	3	
187	ENG480	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	
188	ENG481	Tâm lý học sư phạm	2	
189	ENG482	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3	
190	ENG483	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	
191	ENG484	Kỹ năng đối ngoại	2	
192	ENG485	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3	
193	ENG489	Ngữ âm - Âm vị học	2	
194	ENG490	Ngữ nghĩa học	2	
195	ENG491	Ngôn ngữ học ứng dụng	2	
196	ENG492	Phân tích diễn ngôn	2	
197	ENG493	Văn hóa Anh - Mỹ	2	
198	ENG494	Biên phiên dịch - Intermediate	2	
199	ENG495	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2	
200	ENG496	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2	
201	ENG497	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3	
202	ENG498	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3	
203	ENG499	Nghệ thuật nói trước công chúng	3	
204	ENG514	TTTN Ngôn ngữ Anh	5	
205	ENG515	KLTN Ngôn ngữ Anh	12	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
206	ENG530	Đánh giá bản dịch	3	
207	ENG534	Văn hóa doanh nghiệp	3	
208	ENG535	Đạo đức trong kinh doanh	3	
209	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
210	FIN302	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2	
211	FIN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
212	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3	
213	FIN410	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	3	
214	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3	
215	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
216	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3	
217	FIN417	Quản trị tài chính	3	
218	FIN418	Tài chính cá nhân	3	
219	FIN424	Thanh toán quốc tế	3	
220	FIN425	Thẩm định tín dụng	3	
221	FIN427	Thị trường tài chính	3	
222	FIN428	Thuế	3	
223	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3	
224	FIN437	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3	
225	FIN438	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3	
226	FIN439	Thực tập cơ sở QT Tài chính doanh nghiệp	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
227	FIN440	Thực tập nghề nghiệp QT Tài chính doanh nghiệp	3	
228	FIN443	Nghệp vụ ngân hàng thương mại	3	
229	FIN446	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	
230	FIN449	Tài chính hành vi	3	
231	FIN535	TTTN Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
232	FIN537	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5	
233	FIN538	KLTN Tài chính - Ngân hàng	12	
234	FIN541	TTTN Công nghệ tài chính	5	
235	FIN542	KLTN Công nghệ tài chính	12	
236	FOT303	Kỹ thuật thực phẩm 1	2	
237	FOT309	Vi sinh thực phẩm	3	
238	FOT424	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2	
239	FOT426	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3	
240	FOT434	Công nghệ sau thu hoạch	2	
241	FOT435	Dinh dưỡng	2	
242	FOT436	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2	
243	FOT438	Công nghệ chế biến rau quả	3	
244	FOT440	Công nghệ chế biến lương thực	3	
245	FOT442	Kỹ thuật sấy	3	
246	FOT501	TTTN Công nghệ thực phẩm	5	
247	FOT502	KLTN Công nghệ thực phẩm	12	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
248	FRE312	Đọc - viết 1	3	
249	GRA409	Thiết kế giao diện ứng dụng (Figma)	3	
250	GRA421	Thiết kế đồ họa 2D	4	
251	GRA424	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4	
252	GRA426	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3	
253	GRA511	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6	
254	GRA512	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6	
255	HOS535	TTTN Quản trị khách sạn	5	
256	HUR408	Quản trị nhân sự	3	
257	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	
258	INT305	Kỹ thuật lập trình	2	
259	INT308	TH Cơ sở dữ liệu	1	
260	INT309	TH Kỹ thuật lập trình	2	
261	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
262	INT314	Cơ sở dữ liệu	2	
263	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
264	INT322	Lập trình Java	3	
265	INT324	Lập trình C++	3	
266	INT325	An toàn mạng máy tính	3	
267	INT327	Quản trị hệ thống mạng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
268	INT328	An toàn mạng máy tính nâng cao	3	
269	INT4121	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	
270	INT4131	Điện toán đám mây	3	
271	INT4181	Khai phá dữ liệu	3	
272	INT421	Lập trình trên các thiết bị di động	2	
273	INT422	Lập trình trên Windows	2	
274	INT4241	Lập trình web nâng cao	3	
275	INT425	Mạng máy tính	2	
276	INT4271	Phân tích thiết kế hệ thống	5	
277	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3	
278	INT4401	Mạng máy tính	3	
279	INT4402	Lập trình Java nâng cao	3	
280	INT4403	Hệ điều hành Linux	3	
281	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3	
282	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3	
283	INT4407	Lập trình web	3	
284	INT4408	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
285	INT4409	Bảo mật web và ứng dụng	3	
286	INT441	TH Mạng máy tính	1	
287	INT4410	Bảo mật trong IoT	3	
288	INT4414	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
289	INT4419	Lập trình Windows	3	
290	INT4491	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3	
291	INT4621	Thiết kế mạng	3	
292	INT4791	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	4	
293	INT4861	Lập trình mạng	3	
294	INT4891	Mật mã học	3	
295	INT4981	An toàn mạng không dây và di động	3	
296	INT512	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6	
297	INT514	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6	
298	INT515	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6	
299	INT518	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6	
300	INT551	TTTN Công nghệ thông tin	5	
301	INT587	KLTN Công nghệ thông tin	12	
302	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	
303	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	
304	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	
305	JAP349	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2	
306	JAP350	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2	
307	JAP351	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2	
308	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	
309	JAP401	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
310	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	
311	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	
312	JAP443	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2	
313	JAP446	Tiếng Nhật công sở	2	
314	JAP452	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2	
315	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành - khách sạn	2	
316	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2	
317	JAP480	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	
318	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại	2	
319	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	
320	JAP491	Thư tín thương mại	2	
321	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3	
322	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3	
323	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3	
324	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5	
325	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	
326	KOR313	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2	
327	KOR314	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2	
328	KOR316	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2	
329	KOR317	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2	
330	KOR319	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
331	KOR323	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2	
332	KOR324	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2	
333	KOR326	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3	
334	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3	
335	KOR330	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2	
336	KOR454	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3	
337	KOR455	Tiếng Hàn kinh thương	2	
338	KOR456	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3	
339	KOR457	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3	
340	LAW101	Pháp luật đại cương	3	
341	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2	
342	LAW304	Luật hiến pháp	2	
343	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2	
344	LAW401	Luật hình sự	3	
345	LAW402	Luật tố tụng hình sự	3	
346	LAW403	Luật hành chính và tố tụng hành chính	3	
347	LAW404	Luật đầu tư	3	
348	LAW405	Luật doanh nghiệp	3	
349	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	
350	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
351	LAW408	Luật môi trường	3	
352	LAW409	Luật thương mại điện tử	2	
353	LAW410	Pháp luật về thuế	3	
354	LAW411	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3	
355	LAW412	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	
356	LAW413	Luật đất đai	3	
357	LAW414	Luật hợp đồng	3	
358	LAW415	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2	
359	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	
360	LAW417	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	
361	LAW418	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3	
362	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2	
363	LAW421	Lập và quản lý dự án đầu tư	3	
364	LAW424	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3	
365	LAW425	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	
366	LAW426	Luật kinh tế	3	
367	LAW427	Tư pháp quốc tế	3	
368	LAW429	Pháp luật về trọng tài thương mại	2	
369	LAW430	Luật dân sự	3	
370	LAW431	Luật tố tụng dân sự	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
371	LAW432	Luật hôn nhân gia đình	2	
372	LAW433	Luật tài sản	3	
373	LAW434	Pháp luật về thừa kế	2	
374	LAW435	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2	
375	LAW436	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	
376	LAW437	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	2	
377	LAW438	Tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2	
378	LAW439	Luật tài chính	2	
379	LAW440	Pháp luật về tín dụng và chứng khoán	3	
380	LAW443	Luật kinh doanh	3	
381	LAW501	TTTN Luật	5	
382	LAW502	KLTN Luật	12	
383	LAW503	Luật an sinh xã hội	2	
384	LAW504	Pháp luật về thi hành án	2	
385	LAW505	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	
386	LAW506	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3	
387	LAW507	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3	
388	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	2	
389	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	2	
390	LIT311	Tiếp nhận văn học	2	
391	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
392	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975	2	
393	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3	
394	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	2	
395	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	
396	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
397	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện	2	
398	LIT435	Nghiep vụ biên tập và xuất bản	3	
399	LIT547	KLTN Văn học	12	
400	LOG401	Quản trị Logistics	3	
401	LOG402	Quản trị kho hàng	3	
402	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3	
403	LOG404	Quản trị giao nhận	3	
404	LOG405	Quản trị phân phối	3	
405	LOG406	Quản trị bán hàng trực tuyến	3	
406	LOG407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1	
407	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3	
408	LOG409	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3	
409	LOG410	Hành vi tiêu dùng	3	
410	LOG411	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ	3	
411	LOG412	Quản trị chất lượng toàn diện	3	
412	LOG413	Quản trị xếp dỡ	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
413	LOG414	Điều độ trong chuỗi cung ứng	3	
414	LOG416	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3	
415	LOG417	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3	
416	LOG418	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3	
417	LOG419	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3	
418	LOG501	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5	
419	LOG502	KLTN Logistics và QLCCU	12	
420	MAN201	Quản trị học	3	
421	MAN302	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2	
422	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng	3	
423	MAN409	Quản trị chiến lược	3	
424	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
425	MAN526	TTTN Quản trị kinh doanh	5	
426	MAR201	Marketing căn bản	3	
427	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2	
428	MAR403	Quảng cáo	2	
429	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1	
430	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3	
431	MAR411	Marketing điện tử	3	
432	MAR412	Marketing mối quan hệ	3	
433	MAR414	Marketing quốc tế	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
434	MAR418	Quản trị marketing	3	
435	MAR420	Quản trị thương hiệu	3	
436	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3	
437	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3	
438	MAR427	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3	
439	MAR429	Phát triển sản phẩm	3	
440	MAR430	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	
441	MAR431	Kế hoạch truyền thông Marketing	3	
442	MAR433	Truyền thông đa phương tiện	3	
443	MAR528	TTTN Marketing	5	
444	MMC303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
445	MMC304	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3	
446	MMC305	Văn học ứng dụng	3	
447	MMC306	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3	
448	MMC307	Truyền thông số	3	
449	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	
450	MMC402	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	
451	MMC403	Thiết kế web	2	
452	MMC404	TH Thiết kế web	2	
453	MMC405	Biên kịch phim ngắn	2	
454	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
455	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	
456	MMC408	Kỹ thuật quay phim	3	
457	MMC409	Kỹ thuật dựng phim	3	
458	MMC410	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	
459	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	2	
460	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	
461	MMC413	Nghệ vụ đạo diễn cơ bản	3	
462	MMC414	Kỹ thuật trường quay	2	
463	MMC415	Hậu kỳ kỹ thuật số	3	
464	MMC416	Đồ án sản xuất phim và quảng cáo	3	
465	MMC417	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3	
466	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	
467	MMC423	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2	
468	MMC424	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3	
469	MMC425	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3	
470	MMC426	Đồ án Công nghệ truyền thông	3	
471	MMC501	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5	
472	MMC502	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12	
473	NAS101	Môi trường và con người	3	
474	NAS202	Toán cao cấp	3	
475	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
476	NAS204	Vật lý đại cương	3	
477	NAS305	Toán kỹ thuật	3	
478	NAS309	Hóa sinh đại cương	2	
479	NUR204	Vật lý và y sinh học	2	
480	NUR205	Hóa học	3	
481	NUR401	Mô học - Phôi thai học	2	
482	NUR402	TH Mô học - Phôi thai học	1	
483	NUR415	Dinh dưỡng	2	
484	NUR416	TH Dinh dưỡng	1	
485	NUR417	Y học cổ truyền	2	
486	NUR418	TH Y học cổ truyền	1	
487	NUR420	Nghiên cứu khoa học	2	
488	NUR435	TH Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	1	
489	NUR437	TH Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	1	
490	NUR439	TH Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	1	
491	NUR440	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe tâm thần	2	
492	NUR446	Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	2	
493	NUR501	TTTN Điều dưỡng	5	
494	NUR506	TH Chăm sóc sức khỏe cộng đồng nâng cao	1	
495	NUR508	TH Chăm sóc sức khỏe người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nâng cao	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
496	NUR510	TH Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực nâng cao	1	
497	ORI307	Hán tự học tổng hợp	3	
498	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1	
499	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1	
500	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1	
501	PHT106	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1	
502	PHT107	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1	
503	PHT108	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1	
504	PHT109	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1	
505	PHT110	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1	
506	PHT111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1	
507	PHT112	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1	
508	PHT113	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1	
509	PHT114	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1	
510	PHT115	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1	
511	PHT116	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1	
512	PHT117	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1	
513	PHT118	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1	
514	PHT119	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1	
515	PHT120	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
516	PHT121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1	
517	PHT122	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1	
518	PHT123	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1	
519	PHT124	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1	
520	PHT125	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1	
521	PHT126	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1	
522	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	
523	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
524	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
525	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
526	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
527	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	
528	PSY304	Nhập môn ngành Tâm lý học	2	
529	PSY309	Tâm lý học giao tiếp	2	
530	PSY310	Tâm lý học giới tính	2	
531	PSY312	Tâm lý học phát triển	3	
532	PSY313	Tâm lý học xã hội	3	
533	PSY420	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3	
534	PSY432	Tâm lý học tham vấn	3	
535	PSY450	Luật lao động	3	
536	PSY453	Tham vấn học đường	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
537	PSY455	Thực tập cơ sở về quản trị nhân sự	2	
538	PSY456	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2	
539	PSY457	Thực tập cơ sở về trị liệu tâm lý	2	
540	PSY458	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3	
541	PSY546	KLTN Tâm lý học	12	
542	PSY547	TTTN Tâm lý học	5	
543	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2	
544	PUR307	Điều tra xã hội học	2	
545	PUR310	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2	
546	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
547	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3	
548	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3	
549	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	
550	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2	
551	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2	
552	PUR425	Viết và biên tập tin	2	
553	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3	
554	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	
555	PUR430	Thể hiện ý tưởng	2	
556	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	2	
557	PUR433	Các thể loại báo chí	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
558	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2	
559	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	2	
560	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	
561	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	3	
562	PUR443	Tiếp thị sự kiện	2	
563	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	2	
564	PUR448	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	2	
565	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	2	
566	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	3	
567	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3	
568	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	5	
569	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	12	
570	SKL101	Phương pháp học đại học	3	
571	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	
572	SKL402	Kỹ năng hành chính văn phòng (Văn - Quản trị văn phòng)	3	
573	SOC301	Chính sách xã hội	2	
574	SOC304	Nhập môn Công tác xã hội	2	
575	SOC306	Phát triển cộng đồng	2	
576	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
577	SOC417	Kỹ năng viết báo	3	
578	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
579	SOC426	Xã hội học báo chí	3	
580	SOC429	Xã hội học gia đình	3	
581	SOC438	Xã hội học văn hóa	3	
582	SOC453	Phương pháp nghiên cứu định tính	4	
583	SOC454	Xã hội học đô thị	3	
584	SOC455	Xã hội học nông thôn	3	
585	SOC457	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2	
586	SOC542	TTN Xã hội học	5	
587	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	
588	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	
589	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	
590	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	
591	SOS206	Mỹ học đại cương	3	
592	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	
593	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	
594	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
595	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	
596	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	
597	SUC301	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	2	
598	SUC302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
599	SUC405	Địa lý vận tải	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
600	SUC407	Nghệp vụ hải quan	3	
601	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
602	SUC411	Quản trị thu mua	3	
603	TOU309	Luật du lịch	2	
604	TOU324	Văn hóa ẩm thực	3	
605	TOU422	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1	
606	TRA302	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
607	TRA312	Quản trị sự kiện	3	
608	TRA406	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3	
609	TRA415	Hoạt náo	3	
610	TRA424	Quy hoạch du lịch	3	
611	TRA436	Thực tập nghiệp vụ 2	3	
612	TRA447	Tiếng Anh du lịch 1	3	
613	TRA448	Tiếng Anh du lịch 2	3	
614	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	
615	VIE430	Kinh tế Việt Nam	3	
616	VIE432	Địa lý Việt Nam	3	

Danh sách gồm 616 học phần./.